TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Đắc Toàn

Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 361/2022/TLST-DS ngày 04.10.2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-DS ngày 10.3.2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-DS ngày 28.3.2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị T, địa chỉ: Số 11 Đường H, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Đặng Hữu P, địa chỉ: Số 17 Đường Đ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Tấn H, địa chỉ: Số 11 Đường H, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tô Thị T trình bày:

Bà có quan hệ quen biết với anh Đặng Hữu P. Năm 2021, anh P đang gặp khó khăn về kinh tế và cần số tiền để trả nợ nên anh P có đề cập việc mượn tiền của bà và cam kết sẽ vào làm việc cho công ty của bà, số nợ sẽ được trừ vào tiền lương hàng tháng. Do tin tưởng, ngày 16.10.2021 bà có cho anh P mượn số tiền 30.000.000 đồng theo tờ *"Giấy mượn tiền"* đề ngày 16.10.2021, anh P là người trực tiếp ghi và ký vào tờ giấy nói trên. Tuy nhiên sau khi giao nhận tiền xong anh P cũng không đến làm việc cho công ty bà và cũng không trả nợ cho bà mà cố tình né tránh. Nay bà khởi kiện yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà không có ý kiến, yêu cầu hay đề nghị gì khác.

- Bị đơn anh Đặng Hữu P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa không lấy được lời khai.

**/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn H trình* bày:

Ông là chồng bà Tô Thị T, toàn bộ nguồn tiền 30.000.000 đồng mà bà T cho anh P mượn nói trên là tiền riêng của cá nhân bà T, không liên quan gì đến ông. Nay bà T khởi kiện, đề nghị Tòa xem xét giải quyết buộc anh P phải có nghĩa vụ trả cho bà T, ông không có ý kiến yêu cầu hay đề nghị gì khác. Vì lý do bận công việc ông đề nghị Tòa tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt.

*/ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 của BLDS, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị T: Buộc anh Đặng Hữu P phải có nghĩa vụ trả cho bà Tô Thị T số tiền gốc 30.000.000 đồng. Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tô Thị T có mặt; bị đơn anh Đặng Hữu P mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn H vắng mặt nhưng có đề nghị Tòa xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P, ông H.

[2] Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh P phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Tờ *"Giấy mượn tiền"* đề ngày 16.10.2021 có nội dung chính anh Đặng Hữu P có mượn của bà Tô Thị T số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả trừ vào lương mỗi tháng cho đến khi hết nợ, tại phần cuối của tờ giấy nói trên có ký tên và ghi chữ *"Đặng Hữu P"*. Theo bà T, xuất phát từ chỗ quen biết tin tưởng, bà thấy anh P đang gặp khó khăn về kinh tế và cần tiền để trả nợ nên bà cho anh P mượn 30.000.000 đồng và anh P cam kết sẽ vào làm việc cho công ty của bà, số nợ sẽ được trừ vào tiền lương hàng tháng. Tuy nhiên sau khi giao nhận tiền xong anh P cũng không đến làm việc cho công ty bà và cũng không trả nợ cho bà mà cố tình né tránh, nên bà khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Hữu P cố tình vắng mặt, Tòa không lấy được lời khai. Tuy nhiên, qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để HĐXX xác định, hợp đồng vay ngày 16.10.2021 giữa bên cho vay bà T với bên vay anh P nói trên là hợp đồng vay có thời hạn, không lãi suất. Do anh P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T theo đúng thời hạn nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T về việc buộc anh P phải có nghĩa vụ trả nợ gốc 30.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Về lãi: bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí DSST: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí. Nguyên đơn bà T không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh P phải chịu án phí tương ứng với số tiền nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận 1.500.000 đồng (5% x 30.000.000 đồng).

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị T:

Buộc anh Đặng Hữu P phải có nghĩa vụ trả cho bà Tô Thị T số tiền 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

2. Về án phí DSST: Bà Tô Thị T không phải chịu nên được hoàn lại số tiền 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004517 ngày 28.9.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Bị đơn anh Đặng Hữu P phải chịu 1.500.000 đồng *(Một triệu, năm trăm nghìn đồng)*.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tp Quy Nhơn;
- TAND TP.Quy Nhơn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Định